

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Đào

2. Ông Lương Minh Suốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 04 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2018/QĐXXST-DS, ngày 19/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Phương T, sinh năm 1982 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lý Thanh K, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 02/12 Ấp Tâm K, xã Đại T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

Con chung trên 7 tuổi: Cháu Lý Kiều Q, sinh năm 2001 và cháu Lý Hồng H, sinh năm 2004.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lâm Minh T (vắng mặt)

2/ Ông Huỳnh Minh D (vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng ngụ ấp Tâm K, xã Đại T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

3/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thạnh P, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thạnh P – Sóc T: Ông Danh Hoàng T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã Thạnh P, Sóc T. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/04/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lý Thị Phương T trình bày:

Vào năm 2001 bà và ông K kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là ông K thường hay uống rượu bia say xỉn không lo làm ăn nuôi con, việc lo lắng cho con học hành tự bà một mình gánh vác. Ngoài ra phía gia đình chồng và chồng còn đe dọa, xúc phạm danh dự của bà, vì vậy vợ chồng sống không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lý Thanh K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lý Kiều Q, sinh ngày 20/11/2001 và Lý Hồng H, sinh ngày 24/6/2004 hiện nay đang sống với bà T. Nay về con chung bà T yêu cầu được nuôi hai con, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm:

+ Gồm có 05 con bò, trị giá 26.000.000đ, 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất của cha mẹ ông K cùng vật dụng trong gia đình như tủ, giường, bàn ghế, Ti vi, 01 chiếc xe mô tô mang biển số 83H8-6282 do ông K đứng tên giấy tờ xe và 04 công đất ruộng tọa lạc tại ấp Tâm K, xã Đại T, huyện Mỹ X tất cả các tài sản này hiện nay ông K đang quản lý, sử dụng.

Trong quá trình hòa giải bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần sản chung, cụ thể bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi cho bà phần 05 con bò trị giá 26.000.000đ và chia 04 công đất ruộng theo quy định. Các tài sản còn lại bà T thống nhất để cho ông K được quyền sở hữu, sử dụng.

Riêng đối với tài sản là 01 sợi dây chuyền cùng mặt dây chuyền tổng cộng 5,2 chỉ vàng 24k thì bà T thừa nhận trước đây khi vợ chồng còn chung sống với nhau chỉ ruột của ông K ở nước ngoài về đã cho vợ chồng số vàng trên nhưng cách đây khoảng 03 năm thì do ông K bị tai nạn giao thông nên bà đã bán sợi dây chuyền này để bồi thường cho nạn nhân và chi tiêu trong gia đình cho nên nay không còn nữa, vì vậy bà không thống nhất trả lại sợi dây chuyền này theo yêu cầu của ông K.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho bà phần trị giá 05 con bò là 26.000.000đ, chia đôi mỗi người 13.000.000đ, riêng đối với phần đất ruộng 04 công thì do ông Lâm Minh T đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã Thạnh P, Sóc T nên bà không yêu cầu tòa chia phần tài sản chung là 04 công đất này, mà sau này sẽ kiện thành một vụ án khác.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của ông Huỳnh Minh D số tiền là 7.200.000đ, số nợ này bà đồng ý trả $\frac{1}{2}$ cho ông D nếu ông D yêu cầu.

- **Bị đơn ông Lý Thanh K trình bày:**

Về hôn nhân và về con chung đúng như bà K đã trình bày, về mâu thuẫn vợ chồng thì do cãi nhau nên bà T bỏ đi nơi khác sống, nay bà T xin ly hôn ông K không đồng ý vì còn thương vợ con.

Đối với tài sản chung thì ông thống nhất với lời trình bày của bà T là vợ chồng có số tài sản chung gồm: 01 căn nhà cất trên phần đất cha mẹ ông cho mượn, có 01 xe Hon da, có 05 con bò trị giá 26.000.000đ, các vật dụng trong gia đình như ti vi, tủ, giường.v.v, tất cả những tài sản này hiện nay ông đang quản lý, riêng 05 con bò có nguồn gốc trước đây chi ruột của ông cho tiền mua 01 con sau đó vợ chồng nuôi nên bò đẻ thành 05 con chứ không phải là tiền của vợ chồng bỏ ra mua bò để nuôi, vì vậy ông không đồng ý đây là tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia đôi số bò này mà ông K chỉ đồng ý chia tài sản chung là 04 công đất mỗi người 02 công. Ngoài ra thì trước đây chi ruột của ông ở nước ngoài về có cho ông 01 sợi dây chuyền vàng 24k 08 chỉ cùng 01 mặt dây chuyền 02 chỉ vàng 24k nay ông yêu cầu bà T phải trả lại sợi dây chuyền này lại cho ông vì đây không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Ông K không đồng ý trả nợ cho ông D số tiền 7.200.000đ vì ông K cho rằng đây là nợ riêng của bà T thì tự bà T phải trả cho ông D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Minh T trình bày:*

Ông T thừa nhận phần đất của vợ chồng ông K và bà T có nguồn gốc là của gia đình ông nhưng đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông K và chưa tách bộ sang tên mà vẫn do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ông đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Việt Nam chi nhánh Thanh P, Sóc T. Nay ông cũng thống nhất làm thủ tục tách bộ sang tên cho ông K và bà T nhưng khi nào ông có tiền trả nợ cho Ngân hàng thì mới lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì mới tách bộ được.

- *Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 31/10/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Việt Nam chi nhánh Thanh P, Sóc T trình bày:* Hiện nay ông Lâm Minh T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên để vay tiền của Ngân hàng. Nếu trường hợp Tòa án buộc ông T phải hoàn trả lại 04 công đất ruộng của ông K, bà T thì Ngân hàng sẽ yêu cầu tòa án giải quyết về khoản nợ vay của ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh D trình bày*

Trước đây ông có bán thiếu vật tư cho vợ chồng ông K, bà T và hiện nay ông K, bà T còn nợ ông số tiền 7.200.000đ chưa thanh toán. Nay ông K và bà T ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để bà T trả tự trả dần, khi nào cần thiết ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Lý Thanh K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Minh T, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thanh P, Sóc T tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự này nhưng họ vẫn vắng mặt không lý do. Riêng đối với ông Huỳnh Minh D đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, bà T chỉ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là 05 con bò trị giá 26.000.000đ, riêng 04 công đất ruộng và các tài sản khác bà rút lại không yêu cầu giải quyết. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà Thảo.

Về nội dung:

- Về hôn nhân:

Bà Lý Thị Phương T và ông Lý Thanh K tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001 và được Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn trễ hạn vào ngày 01/10/2005. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, bà T bỏ đi sống nơi khác và vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 04/2018 cho đến nay.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông K và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông K thường xuyên uống rượu, chửi mắng, xúc phạm, đe dọa đánh đập gây hoang mang cho bà T, vì vậy bà T đã bỏ đi nơi khác sống và ông bà đã ly thân nhau một thời gian không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông K là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông K và bà T đã có với nhau 02 con chung tên Lý Kiều Q, sinh ngày 20/11/2001 và Lý Hồng H, sinh ngày 24/6/2004 hiện nay đang sống với bà T. Nay về con chung bà T yêu cầu xin được nuôi 02 con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy theo nguyện vọng của cháu Q và cháu H đều xin được sống với mẹ, bà T cũng có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung cần giao hai cháu Q và H cho bà Thảo được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, ông K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Thảo.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông K và bà T có các tài sản chung gồm: 05 con bò, trị giá 26.000.000đ, có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất của cha mẹ ông K cùng vật dụng trong gia đình như tủ, giường, bàn ghế, Tivi, 01 chiếc xe mô tô mang biển số 83H8-6282 do ông K đứng tên giấy tờ xe, có 04 công đất ruộng tọa lạc tại ấp Tâm K, xã Đại T, huyện Mỹ X tất cả các tài sản này hiện nay ông K đang quản lý và sử dụng. Nay về tài sản chung bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi cho bà phần 05 con bò trị giá 26.000.000đ mỗi người được chia 13.000.000đ, đối với phần 04 công đất ruộng do giấy chứng nhận QSDĐ ông T đang thế chấp cho Ngân hàng vì vậy bà T rút lại yêu cầu này khi nào ông T trả nợ xong bà sẽ yêu cầu tòa án giải quyết sau bằng vụ án khác. Các tài sản còn lại bà T thống nhất để cho ông K được quyền sở hữu, sử dụng. Ngoài ra phía ông K còn cho rằng trước đây chị ruột của

ông có cho ông 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k nay ông yêu cầu bà T phải trả lại sợi dây chuyền này cho ông.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống thì ông K và bà T thừa nhận đã tạo lập được một số tài sản như trên. Tuy nhiên bà Thảo chỉ yêu cầu chia phần tài sản chung là 05 con bò mà hai bên đã thỏa thuận trị giá là 26.000.000đ, các tài sản khác bà T đồng ý để ông K được quyền sở hữu, sử dụng. Xét thấy phần tài sản mà bà T yêu cầu chia là 05 con bò có trị giá là 26.000.000đ, hiện nay số bò này ông K đang quản lý, tại phiên tòa bà T trình bày là hiện nay ông K đã bán hết toàn bộ số bò và đang quản lý số tiền bán bò chưa chia cho bà T. Vì vậy cần chia đôi phần tài sản này mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá 05 con bò là 13.000.000đ, do ông K đang quản lý số tiền bán bò trên nên ông K có trách nhiệm giao lại cho bà T số tiền 13.000.000đ là phù hợp. Đối với các tài sản chung khác như căn nhà, xe mô tô, và các vật dụng trong gia đình do bà T không yêu cầu chia mà đồng ý để lại cho ông K sử dụng do đó ông K được quyền sở hữu, sử dụng đối với số tài sản này. Đối với ý kiến của ông K không đồng ý chia số bò trên cho bà T vì ông cho rằng trước đây chị ruột của ông đã cho ông tiền để mua 01 con bò từ đó bò đẻ thành 05 con thì ông được hưởng số bò này và đây không phải là tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra ông K còn yêu cầu bà T trả lại cho ông 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24 mà trước đây chị ruột ông đã cho.

Hội đồng xét xử xét thấy: Phần tài sản là 05 con bò mặc dù chị ruột ông K có cho tiền mua 01 con để nuôi nhưng có công sức của cả hai vợ chồng mới được thành quả là 05 con như hiện nay, do đó ông K cho rằng đây là tài sản riêng của ông là không phù hợp. Còn đối với sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k thì bà T cũng thừa nhận trước đây chị ruột ông K có cho vợ chồng nhưng cho sợi dây chuyền 5,2 chỉ vàng 24k chứ không phải 10 chỉ vàng 24k như ông K trình bày. Trong quá trình chung sống bà thảo đã bán để tiêu xài và bồi thường do ông K gây tai nạn giao thông nay không còn. Ngoài ra phía ông K cũng không chứng minh được phần tài sản này là tài sản riêng vì vậy việc ông K yêu cầu bà T hoàn trả lại cho ông 01 sợi dây chuyền 08 chỉ vàng 24k là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia trị giá 05 con bò, riêng đối với phần đất 04 công đất ruộng tọa lạc tại ấp Tâm K, xã Đại T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T bà không yêu cầu giải quyết. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật vì vậy HĐXX chấp nhận việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn, sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Minh T, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thanh P, Sóc T và ông Huỳnh Minh D Hội đồng xét xử xét thấy: Trước đây do trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu chia phần tài sản chung là 04 công đất ruộng vì vậy Tòa án mới đưa ông T và Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên nay bà T rút lại phần yêu cầu này không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa vì vậy không cần thiết buộc ông T phải có nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn. Đối với Ngân hàng cũng không có đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét về vấn đề vay nợ giữa ông T và Ngân hàng. Riêng phần

nợ chung của ông K và bà T hiện còn nợ ông Huỳnh Minh D số tiền 7.200.000đ nhưng ông D đã có đơn gửi Tòa án là không yêu cầu xem xét, giải quyết về khoản nợ này, vì vậy sau này khi ông D có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 650.000đ án phí tài sản, ông K phải chịu án phí tài sản là 650.000đ.

-Về chi phí thẩm định, định giá: Do nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là 04 công đất ruộng, tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu này, vì vậy nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 2.933.280đ.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân, cho bà T được ly hôn với ông K, về con chung, giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Kiều Q, sinh ngày 20/11/2001 và Lý Hồng H, sinh ngày 24/6/2004, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Buộc ông K phải giao lại cho bà T trị giá tài sản được chia 05 con bò trị giá 26.000.000đ bằng số tiền là 13.000.000đ. Về nợ chung: Do người liên quan là ông D không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 04 công đất ruộng. Đối với yêu cầu của ông K buộc bà T trả lại 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k, xét thấy không có cơ sở để xem xét tài sản chung hiện còn là 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k nên không chấp nhận. Ngồi ra đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng các đương sự là ông Lâm Minh T, đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thanh P, Sóc T chưa tuân đúng theo quy định của pháp luật. Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Phương T.

1/ Về hôn nhân: Bà Lý Thị Phương T được ly hôn với ông Lý Thanh K.

2/ Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lý Kiều Q, sinh ngày 20/11/2001 và Lý Hồng H, sinh ngày 24/6/2004 đến tuổi trưởng thành. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con cho ông K không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung: Ông K có trách nhiệm giao lại cho bà T trị giá phần tài sản chung mà bà T được chia số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

4/ Về nợ chung: Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Minh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lý Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và 650.000đ án phí về tài sản, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 2.300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0002427, ngày 09/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà T được nhận lại số tiền là 1.350.000đ.

Bị đơn ông Lý Thanh K phải chịu 650.000đ án phí về phần tài sản được chia.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Bà T phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá là 2.933.280đ (Hai triệu chín trăm ba mươi ba ngàn hai trăm tám mươi đồng) phần tiền này bà T đã nộp đủ.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu chia tài sản chung là 04 công đất ruộng tọa lạc ấp Tâm K, xã Đại T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với ông Lý Thanh K, ông Lâm Minh T, ông Huỳnh Minh D, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thanh P, Sóc T thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

